TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:101/2025/DS-PT
Ngày: 26-3-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Trung

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Hùng

Ông Trần Văn Lực

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Nhả, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2025 tại Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2025/TLPT-DS ngày 24 tháng 02 năm 2025 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 134/2024/DS-ST ngày 23 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 45/2025/QĐ-PT ngày 28 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L3;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Quốc T - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; Trụ sở: Số D L, khóm A, phường D, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Người đại diện theo uỷ quyền ông Trần Quốc T1 – Chúc vụ: Trưởng phòng tín dụng thuộc Quỹ tín dụng Nhân dân cở sở L4 tham gia tố tụng, theo văn bản uỷ quyền số 32/UQ-QTD ngày 17/5/2024 (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Phạm Hồng L, sinh năm 1989. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Khóm D, phường E, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Lê Hùng Q, sinh năm 1964.

Nơi cư trú: Số C L, khóm A, phường D, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

Nơi chấp hành án: Trại tạm giam Công an tỉnh T.

2. Ông Đồng Minh T2, sinh năm 1979.

Nơi cư trú: Khóm C, phường A, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin vắng mặt).

Nơi chấp hành án: Trại giam B Cục C1 – Bộ C2. Địa chỉ: Khóm B, phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

3. Ông Huỳnh Văn T3, sinh năm 1972.

Nơi cư trú: ấp L, phường D, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin vắng mặt).

4. Ông Nguyễn Minh L1, sinh năm 1959 (chết năm 2024).

Nơi cư trú: Số C L, khóm A, phường D, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Nguyễn Minh L1:

- Bà Tô Mỹ L2, sinh năm 1961 (vắng mặt);

- Anh Nguyễn Phúc A, sinh năm 1997 (vắng mặt).

Cùng nơi cư trú: Số B, khóm E, phường G, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

- Người kháng cáo: Ông Lê Hùng Q là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Trần Quốc T1 là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 22/10/2016 bà Phạm Hồng L có vay tại Quỹ tín dụng Nhân dân cơ sở L3 tổng số tiền 620.000.000đ, theo hợp đồng tín dụng thế chấp và cầm cố số 62/10/16, thời hạn vay là 19 tháng, đến hạn 30/5/2018, lãi suất trong hạn là 1%/tháng, lãi suất quá hạn là 1.5%/tháng, mục đích vay là để cải tạo ao nuôi tôm. Đến ngày 31/5/2018 nợ đã chuyển sang quá hạn. Ngày 02/7/2018 bà Phạm Hồng L đã trả nợ gốc được 620.000.000đ. Trong quá trình vay bà L chưa trả lãi cho Quỹ tín dụng Nhân dân cơ sở L3. Nay, Quỹ tín dụng Nhân dân cơ sở L3 yêu cầu Toà án buộc bà Phạm Hồng L phải có nghĩa vụ trả nợ lãi cho Q1 tín dụng nhân dân cơ sở Long Bình tổng số tiền là 131.026.700đ (trong đó lãi trong hạn là 121.106.700đ; lãi quá hạn là 9.920.000đ, tính từ ngày 22/10/2016 đến ngày 01/7/2018).

Tại Văn bản trình bày ý kiến ngày 22/8/2024, Quỹ tín dụng yêu cầu Tòa án đưa ông Lê Hùng Q, ông Nguyễn Minh L1, ông Đồng Minh T2, ông Huỳnh Văn T3 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong

vụ án và yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Hùng Q, ông Nguyễn Minh L1, ông Đồng Minh T2, ông Huỳnh Văn T3 liên đới cùng bà Phạm Hồng L trả nợ lãi cho Q1 tín dụng nhân dân cơ sở Long Bình tổng số tiền là 131.026.700đ (trong đó lãi trong hạn là 121.106.700đ; lãi quá hạn là 9.920.000đ, tính từ ngày 22/10/2016 đến ngày 01/7/2018) lãi của Hợp đồng số 62/10/16 ngày 22/10/2016 tiền gốc 620.000.000đ thời hạn 19 tháng, đến hạn ngày 30/5/2018. Vì, theo Văn bản thỏa thuận ngày 02/7/2018 thì ông Q, ông L1, ông T2, ông T3 có liên quan đến hợp đồng tín dụng nêu trên.

Bị đơn bà Phạm Hồng L vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh L1 trình bày tại Biên bản ghi lời khai ngày 24/7/2024, ông L1 thừa nhận 04 ông gồm: Ông Lê Hùng Q, ông Nguyễn Minh L1, ông Đồng Minh T2, ông Huỳnh Văn Thanh thế C 06 thửa đất (ông không nhớ số thửa) tọa lạc xã N huyện D do ông Q, ông L1, ông T2, ông T3 đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp cho bà Phạm Hồng L đứng tên Hợp đồng vay tiền giùm 04 ông để trồng thanh long ở xã N, huyện D. Bốn ông đã trả xong tiền gốc (do ông Nguyễn Minh L1 đại diện trả), còn lãi chưa kịp trả thì ông Q, ông L1, ông T2 bị bắt. Theo ông L1 trình bày là 04 ông phải có nghĩa vụ trả khoản lãi 131.026.700đ nêu trên cho Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L3. Phía ông L1 thì đồng ý trả ¼ số tiền lãi này.

Tại Biên bản ghi lời khai ông Đồng M Toàn ngày 05/9/2024 ông T2 trình bày: Ông T2 xác nhận ông có ký tên trong Văn bản thỏa thuận ngày 02/7/2018 và thừa nhận Hợp đồng vay nêu trên là của 04 ông gồm: Ông Lê Hùng Q, ông Nguyễn Minh L1, ông Đồng Minh T2, ông Huỳnh Văn T3 nhờ bà Phạm Hồng L đứng tên vay tiền giùm các ông để trồng thanh long ở xã N, huyện D. Các ông đã trả xong tiền gốc (do ông Nguyễn Minh L1 đại diện trả), còn tiền lãi chưa trả. Nay, ông T2 trình bày là 04 ông phải có nghĩa vụ trả khoản lãi 131.026.700đ cho Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L nhưng do ông T2 đang chấp hành án nên không có tiền để trả.

Tại Biên bản ghi lời khai ông Huỳnh Văn T3 ngày 17/8/2024: Ông T3 trình bày giống như lời khai của ông Nguyễn Minh L1, ông Đồng Minh T2 và ông T3 cũng đồng ý trả ¼ khoản tiền lãi nêu trên.

Tại Biên bản ghi lời khai ông Lê Hùng Q ngày 09/9/2024, ông Q trình bày 02 hợp đồng của bà Đồng Thị Kim X, bà Phạm Hồng L đứng tên vay tiền tại Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L là do ông Lê Hùng Q, ông Nguyễn Minh L1, ông Đồng Minh T2, ông Huỳnh Văn T3 nhờ bà L đứng tên vay giùm và các ông có thế chấp tài sản của các ông (gọi chung là 04 ông) đối với các thửa đất số 793, 454, 465,

470, 471, 468 cùng tờ bản đồ số 8 tổng diện tích 21.590m^2 tọa lạc xã N, huyện D để thế chấp đảm bảo cho bà Phạm Hồng L, bà Đồng Thị Kim X, ông Đồng Quốc T4 và ông Phạm Thế H vay tại Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L3 2.300.000.000đ là vay giùm 04 ông, mục đích trồng thanh long ở xã N, huyện D. Ngày 02/7/2018 bốn ông đã vay chiết khấu tại Ngân hàng H1 - Chi nhánh T5 2.300.000.000đ và 04 ông đã trả xong vốn gốc cho Q1 tín dụng nhân dân cơ sở Long Bình (gồm khoản vay của bà X 346.000.000đ, của bà L 620.000.000đ, của ông T4 844.000.000đ, của ông H 490.000.000đ). Thời điểm tháng 7 năm 2018 Quỹ tín dụng cần tiền "*thanh khoản*" để trả tiền gửi cho khách hàng, Quỹ tín dụng có mời 04 ông lại yêu cầu trả khoản vay 2.300.000.000đ nêu trên và Quỹ tín dụng tạo điều kiện cho 04 ông lấy tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất 06 thửa nêu trên đem thế chấp vay tái chiết khấu tại Ngân hàng H1 để trả 2.300.000.000đ cho Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L3 là trả trước hạn. Theo Điều lệ của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L3 là trả nợ gốc trước hạn để tự "*thanh khoản*" cho Q1 tín dụng, tức là trả nợ gốc trước hạn không cần trả lãi thì hợp đồng vay đó tất toán. Nay, ông Q không đồng ý trả nợ lãi của các khoản vay nêu trên (cụ thể không đồng ý trả nợ lãi 131.026.700đ của hợp đồng vay số 62/10/16 ngày 22/10/2016 khoản vay của bà Phạm Hồng L).

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 134/2024/DS-ST ngày 23 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh đã tuyên xử:

Tuyên xử:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 146; Điều 147; Điều 186; Điều 227; Điều 228; điểm a khoản 1 Điều 92; Điều 244 và Điều 5 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 117; Điều 119; khoản 1 Điều 615; điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 91; khoản 1 Điều 4 Luật các Tổ chức tín dụng.

Căn cứ Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N Quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L3.

Buộc ông Lê Hùng Q, ông Đồng Minh T2, ông Huỳnh Văn T3 và người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Nguyễn Minh L1: Bà Tô Mỹ L2, anh Nguyễn Phúc A phải có nghĩa vụ trả cho Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở Long Bình tổng số tiền lãi là 131.026.700đ (trong đó lãi trong hạn là 121.106.700đ; lãi quá hạn là 9.920.000đ, tính từ ngày 22/10/2016 đến ngày 01/7/2018 lãi của Hợp đồng số 62/10/16 ngày 22/10/2016 khoản vay của bà Phạm Hồng L). Trong đó, ông Lê Hùng Q có nghĩa vụ trả ¼ = 32.756.675đ; ông Đồng Minh T2 có nghĩa vụ trả ¼ = 32.756.675đ; ông Huỳnh Văn T3 có nghĩa vụ trả ¼ = 32.756.675đ; người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông L1: Bà Tô Mỹ L2, anh Nguyễn Phúc A phải có nghĩa vụ trả ¼ = 32.756.675đ trong phạm vi di sản do ông Nguyễn Minh L1 để lại.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L về yêu cầu bà Phạm Hồng L liên đới cùng các ông Lê Hùng Q, Đồng Minh T2, Huỳnh Văn T3, Nguyễn Minh L1 trả nợ lãi cho Q1 tín dụng nhân dân cơ sở L3.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên tiền án phí nghĩa vụ do chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 18/11/2024 ông Lê Hùng Q kháng cáo đề nghị phát mãi tài sản là diện tích đất 18.290 m^2 thuộc thửa số 793 ,464, 465 ,468, 471 tờ bản đồ số 8 tọa lạc tại xã N, huyện D, tỉnh Trà Vinh để trả theo văn bản thỏa thuận ngày 02/7/2018 giữa Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L3 và 04 người đồng sở hữu.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh về vụ án:

- *Về thủ tục tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định về thụ lý vụ án, thẩm quyền giải quyết, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, bảo đảm quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- *Về nội dung vụ án*: Kháng cáo của ông Lê Hùng Q là không có cơ sở để chấp nhận đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 134/2024/DS-ST ngày 23 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo ông Lê Hùng Q kháng cáo đề nghị phát mãi tài sản là diện tích đất 18.290 m^2 thuộc thửa số 793,464,465,468,471 (thế chấp tại Ngân hàng Hợp tác xã) và thửa đất 799,470 (Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L đang giữ) tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại xã N, huyện D, tỉnh Trà Vinh để trả theo văn bản thỏa thuận ngày 02/7/2018 giữa Quỹ tín dụng và 04 người đồng sở hữu Lê Hùng Q, Đồng Minh T2, Huỳnh Văn T3, Nguyễn Minh L1.

Theo lời khai Ông Lê Hùng Q, ông Nguyễn Minh L1, ông Đồng Minh T2, ông Huỳnh Văn T3 nhờ bà Phạm Hồng L đứng tên vay tiền giùm các ông tại Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L3 để trồng thanh long ở xã N, huyện D. Các ông đã trả xong tiền gốc (do ông Nguyễn Minh L1 đại diện trả), còn tiền lãi chưa trả. Nay, ông T2 trình bày là 04 ông phải có nghĩa vụ trả khoản lãi 131.026.700đ cho Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L3.

[2] Theo hợp đồng tín dụng thế chấp và cầm số ngày 22/10/2016 của Q1 tín dụng nhân dân cơ sở Long Bình và bà Phạm Hồng L tại Điều 6 của hợp đồng hình thức bảo đảm về tiền vay không có. Quỹ tín dụng chỉ giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các bên không làm hợp đồng thế chấp tài sản theo quy định. Đại diện Quỹ tín dụng xác định khoản vay của bà Phạm Hồng L đứng tên vay là không có thế chấp tài sản nên Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L3 không có yêu cầu xử lý tài sản thế chấp

[3] Theo quy định tại Điều 7a của Luật Thi hành dân sự quy định:

Người phải thi hành án có các quyền: Tự nguyện thi hành án; thỏa thuận với người được thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về thời gian, địa điểm, phương thức, nội dung thi hành án; tự nguyện giao tài sản để thi hành án. Người phải thi hành án có nghĩa vụ: Kê khai trung thực tài sản, điều kiện thi hành án; cung cấp đầy đủ tài liệu, giấy tờ có liên quan đến tài sản của mình khi

có yêu cầu của người có thẩm quyền và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung kê khai đó.

Yêu cầu kháng cáo của ông Lê Hùng Q không có cơ sở chấp nhận.

[4] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh là có căn cứ chấp nhận.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực thi hành.

[5] Về án phí phúc thẩm: Miễn án phí phúc thẩm cho ông Lê Hùng Q.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Căn cứ khoản 2 Điều 91; khoản 1 Điều 4 Luật các Tổ chức tín dụng.

Căn cứ Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N Quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo ông Lê Hùng Q.
- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 131/2024/DS-ST ngày 23 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Tuyên xử:

Buộc ông Lê Hùng Q, ông Đồng Minh T2, ông Huỳnh Văn T3 và người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Nguyễn Minh L1: Bà Tô Mỹ L2, anh Nguyễn Phúc A phải có nghĩa vụ trả cho Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở Long Bình tổng số tiền lãi là 131.026.700đ . Trong đó, ông Lê Hùng Q có nghĩa vụ trả ¼ = 32.756.675đ; ông Đồng Minh T2 có nghĩa vụ trả ¼ = 32.756.675đ; ông Huỳnh Văn T3 có nghĩa vụ trả ¼ = 32.756.675đ; người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông L1: Bà Tô Mỹ L2, anh Nguyễn Phúc A phải có nghĩa vụ trả ¼ = 32.756.675đ trong phạm vi di sản do ông Nguyễn Minh L1 để lại.

Về án phí phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Lê Hùng Q.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và

Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND thành phố Trà Vinh;
- Chi cục THADS thành phố Trà Vinh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: TDS, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thành Trung